

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12636-1-2019
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Xuất bản lần 1

BẢN GỐC TCVN

KHÔNG SAO CHỤP ĐỂ PHÁT HÀNH

**QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN –
PHẦN 1: QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG BỀ MẶT**

*Hydro-meteorological observations –
Part 1: Surface meteorological observations*

HÀ NỘI – 2019

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	4
1 Phạm vi áp dụng.....	5
2 Thuật ngữ, định nghĩa và ký hiệu.....	5
2.1 Định nghĩa.....	5
2.2 Ký hiệu và đơn vị đo.....	7
3 Kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị.....	7
4 Chế độ, trình tự quan trắc khí tượng bề mặt.....	7
4.1 Quan trắc thủ công.....	7
4.2 Trạm tự động.....	8
5 Quan trắc gió bề mặt.....	8
5.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	8
5.2 Lắp đặt thiết bị.....	9
5.3 Quan trắc.....	9
6 Quan trắc nhiệt độ và độ ẩm không khí.....	9
6.1 Thông số thiết bị.....	9
6.3 Quan trắc.....	11
7 Quan trắc mưa.....	11
7.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	11
7.2 Lắp đặt thiết bị.....	11
7.3 Quan trắc.....	11
8 Quan trắc áp suất khí quyển.....	12
8.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	12
8.2 Lắp đặt thiết bị.....	12
8.3 Quan trắc.....	12
9 Quan trắc bốc hơi.....	13
9.1 Thông số thiết bị thủ công và tự động.....	13
9.2 Lắp đặt thiết bị.....	13
9.3 Quan trắc.....	13
10 Quan trắc nhiệt độ đất bề mặt.....	13
10.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	13
10.2 Lắp đặt thiết bị.....	13
10.3 Quan trắc.....	13
11 Quan trắc tầm nhìn xa.....	14
11.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	14
11.2 Lắp đặt thiết bị.....	14
11.3 Quan trắc.....	14
12 Quan trắc thời gian nắng.....	14
12.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	14
12.2 Lắp đặt thiết bị.....	14
12.3 Quan trắc.....	15
13 Quan trắc bức xạ mặt trời tổng quan sóng ngắn.....	15
13.1 Thông số thiết bị quan trắc thủ công và tự động.....	15
13.2 Lắp đặt thiết bị.....	15
13.3 Quan trắc.....	15
14 Quan trắc mây.....	15
14.1 Quan trắc lượng mây.....	15
14.2 Quan trắc loại mây.....	16
14.3 Quan trắc độ cao chân mây.....	19
15 Quan trắc hiện tượng khí tượng.....	20
15.1 Xác định loại hiện tượng khí tượng.....	20
15.3 Xác định cường độ hiện tượng.....	26
15.5 Hướng xuất hiện của hiện tượng khí tượng.....	27
15.6 Kích thước hiện tượng khí tượng.....	27
Thư mục tài liệu tham khảo.....	28

TCVN 12636-1:2019

Lời nói đầu

TCVN 12636-1:2019 do Tổng cục Khí tượng Thủy văn biên soạn, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ TCVN *Quan trắc khí tượng thủy văn*, gồm 3 phần:

- TCVN 12636-1:2019, Phần 1: Quan trắc khí tượng bề mặt.
- TCVN 12636-2:2019, Phần 2: Quan trắc đối mực nước và nhiệt độ nước sông.
- TCVN 12636-3:2019, Phần 3: Quan trắc hải văn.

Quan trắc khí tượng thủy văn – Phần 1: Quan trắc khí tượng bề mặt

Hydro-meteorological observations –

Part 1: Surface meteorological observations

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu kỹ thuật về quan trắc khí tượng bề mặt.

2 Thuật ngữ, định nghĩa và ký hiệu

2.1 Định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1.1

Gió bề mặt (Surface wind)

Chuyển động ngang của không khí, đặc trưng bởi hai yếu tố: tốc độ gió và hướng gió.

2.1.2

Nhiệt độ không khí (Air temperature)

Đặc trưng cho chuyển động nhiệt của các phân tử không khí trong khí quyển.

2.1.3

Độ ẩm tuyệt đối không khí (Absolute humidity)

Đại lượng vật lý xác định khối lượng hơi nước tính ra gam có trong một đơn vị thể tích không khí xác định.

2.1.4

Ẩm độ tương đối (Relative humidity)

Tỷ số phần trăm giữa sức trương hơi nước chứa trong không khí và sức trương hơi nước bão hòa trong cùng nhiệt độ, đơn vị tính bằng (%).

2.1.5

Giáng thủy (Precipitation)

Những sản phẩm rắn hay lỏng, hình thành bởi sự ngưng kết, ngưng hoa từ mây rơi xuống như: mưa, mưa đá, tuyết; hay lắng đọng từ không khí như: sương mù, sương móc, sương muối, mù.